

Bản án số: 178/2022/HC-PT

Ngày: 01/7/2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

- Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 68/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2022; về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, giữa các đương sự.

- ***Người khởi kiện:*** ông Phạm Văn T, sinh năm 1954 và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: Số 48 đường Q, Khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thị Tuyết S, Công Ty Luật T1-Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối phố Đ1, phường T2, thành phố T3, tỉnh Quảng Nam; (có mặt)

- ***Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân huyện N

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí D1 – Phó Chủ tịch; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Văn Th – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N; có mặt

+ Ông Nguyễn Phước Nh – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, có mặt

+ Ông Mai Văn T4 – Công chức địa chính UBND thị trấn N, vắng có đơn xin xử vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Đầu tư và Phát triển K Quảng Nam (Trung tâm Bồi thường và Giải phóng mặt bằng); địa chỉ: xã T5, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Thế K1 - Phó Giám đốc Trung tâm Bồi thường & giải phóng mặt bằng - Công ty Đầu tư và Phát triển K Quảng Nam, vắng có đơn xin xử vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Văn T6 – Công chức địa chính UBND thị trấn N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Thanh X1, sinh năm 1976; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị Thùy Ng, sinh năm 1979; có mặt

5. Bà Phạm Thị Thu H4, sinh năm: 1986; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Phạm Thị Tường V1, sinh năm 1991; có mặt

7. Bà Phạm Thị Ánh L2, sinh năm 1994; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Thanh V2, sinh năm 1977; có mặt

9. Ông Nguyễn Văn Hùng; có mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị Thanh X1, Phạm Thị Ánh L2 là ông Phạm Văn T.

Cùng địa chỉ: Khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Phạm Thị Thanh X1, bà Phạm Thị Thùy Ng, bà Phạm Thị Thu H4, bà Phạm Thị Tường V1, bà Phạm Thị Ánh L2, ông Nguyễn Thanh V2, ông Nguyễn Văn Hùng có cùng trình bày:

Ngày 10/08/1991, vợ chồng ông T có nhận chuyển nhượng diện tích đất khoảng 15.000m² từ HTX Mạnh Trúc HT, loại đất nuôi trồng thủy sản (ao tôm),

gồm rất nhiều ao, mỗi ao được thể hiện bằng một thửa đất. Phía ngoài mảnh đất vợ chồng nuôi trồng thủy sản là mảnh đất trống bị bồi đắp bởi sông Trường Giang nên không nuôi trồng thủy sản được, lại giáp đường đi, thuận lợi cho việc làm nhà ở trông coi đầm tôm. Quá trình sử dụng ngày 18/8/1993, ông làm đơn gửi UBND thị trấn N xin cấp 300 m² trong sổ đất này để làm nhà ở, UBND thị trấn N đồng ý cấp 300m² đất để ông T xây dựng nhà ở. Sau khi được sự cho phép của chính quyền địa phương ông T xây dựng nhà ở. Bên cạnh xây nhà cấp 4 để ở thì ông T có xây dựng kinh doanh karaoke, xây dựng công trình phụ, nhà để xe cho khách, xây dựng nhà ở và công trình gần hết diện tích đất. Năm 1999, con gái thứ hai của ông là Phạm Thị Thuỳ Ng kết hôn với Nguyễn Thanh V2 nhưng chưa có chỗ ở, bà Ng đã xây dựng nhà trên đất từ năm 2003 đến nay.

Hiện tại, toàn bộ diện tích thửa đất bị nhà nước thu hồi để xây dựng trục đường chính từ khu công nghiệp TT đi qua cảng KH và sân bay C1. Các cơ quan chức năng huyện N tiến hành đo đạc và kiểm kê tài sản trên đất, theo đo đạc mới nhất của cơ quan đất đai huyện N thì có diện tích thực tế của gia đình ông T là 465,6m², đã xây dựng công trình hết toàn bộ diện tích đất, gồm hai căn nhà cấp bốn, nhà bán quán. Theo Quyết định 3451/QĐ-UBND ngày 26/05/2021 của UBND huyện N công nhận quyền sử dụng đất diện tích 292,9m², loại đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông Phạm Văn T tại thửa 15, trích lục bản đồ địa chính số 04-2020; Quyết định 3452/QĐ-UBND ngày 26/05/2021 thì công nhận quyền sử dụng đất diện tích 57,2m², loại đất nuôi trồng thủy sản cho hộ ông Phạm Văn T tại thửa 38, trích lục bản đồ địa chính số 04-2020. Với hai quyết định trên tổng cộng công nhận 350,1m² của hộ ông Phạm Văn T, đều xác định loại đất nuôi trồng thủy sản, nguồn gốc đất mua từ HTX Mạnh Trúc HT, thời điểm sử dụng trước 7/2004. Tuy nhiên, theo Trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai kèm theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 22/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì tổng diện tích đất sử dụng của hộ ông T là 539,3m², trong đó đã thu hồi 185,5m² theo Quyết định 3110/QĐ-UBND năm 2006 của UBND thị trấn N, diện tích còn lại đang sử dụng là 353,8m².

Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, người khởi kiện xin rút các yêu cầu khởi kiện:

- Hủy Quyết định số 17704/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 17705/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc cưỡng chế thu hồi đất;

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, vợ chồng ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng Đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N;

- Hủy Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng Đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N;

- Hủy Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T- Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng Đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 32);

- Hủy Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T - Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 35);

- Hủy Quyết định số 15861/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho ông Nguyễn Thanh V2 - bà Phạm Thị Thùy Ng để giải phóng mặt bằng xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 36);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ loại đất ở đối với diện tích đất bị thu hồi 353,8m² và bố trí tái định cư 04 (bốn) lô đất cho hộ ông Phạm Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N theo Công văn số 94/UBND-TNMT ngày 20/01/2022 và tại phiên tòa:

Về nguồn gốc sử dụng đất:

Theo Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 18/01/2021 của UBND thị trấn N và Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 24/3/2021 của UBND thị trấn N thì thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 (theo hồ sơ 60/CP) hiện nay ông Phạm Văn T đang sử dụng có nguồn gốc là do ông T nhận chuyển nhượng đất ao tôm của Hợp tác xã Mạnh Trúc HT. Hợp tác xã Mạnh Trúc HT được UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cấp đất xây dựng hồ nuôi tôm theo Quyết định số 1007/QĐ/UB ngày 24/4/1989 với diện tích 3ha. Sau đó, Hợp tác xã Mạnh Trúc HT viết Giấy chuyển nhượng diện tích đất nuôi tôm cho ông Phạm Văn T và ông Phan Kiêu O được UBND huyện N xác nhận ngày 09/8/1993, đây là một trong các loại giấy tờ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 (Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993).

Ông Phạm Văn T cho rằng, nguồn gốc sử dụng đất của Ông do có đơn - xin cấp đất xây dựng nhà ở ngày 18/8/1993 được UBND thị trấn N xác nhận

ngày 30/8/1993, tuy nhiên qua đối chiếu giữa sơ đồ vị trí xin đất làm nhà ở và thực tế tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 hiện nay ông Phạm Văn T đang sử dụng thì không trùng vị trí, vị trí ông Thị xin cấp đất làm nhà ở liền kề với đất của ông Tổng (cạnh phía Nam), diện tích này nằm trong diện tích đất ao - tôm đã được UBND huyện N thu hồi năm 2006 theo Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 26/9/2006 về việc thu hồi đất và giao đất (nội dung này đã được UBND huyện N, UBND thị trấn N giải trình tại buổi hòa giải với ông T). Mặt khác, ngày 15/7/1997, ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ lập giấy viết tay chuyển nhượng cho ông Hoàng Tú Uyên với diện tích 110m², giá chuyển nhượng là 15 chỉ vàng, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp địa của ông T, phía Tây giáp đường thị trấn đi Tam Giang, phía Nam giáp nhà ông Tổng, phía Bắc giáp địa ông T.

Như vậy, qua đối chiếu vị trí giữa đơn xin cấp đất xây dựng nhà ở ngày 18/8/1993 và giấy viết tay ngày 15/7/1997 của ông Phạm Văn T thì có cơ sở khẳng định rằng vị trí ông Phạm Văn T xin cấp đất xây dựng nhà ở nằm phía giáo nhà của ông Tổng, không phải vị trí hiện nay ông Phạm Văn T sinh sống (vị trí xin đất làm nhà ở ông T đã viết giấy chuyển nhượng một phần cho ông Hoàng Tú Uyên và một phần diện tích đã bị thu hồi theo Quyết định 3110/QĐ-UBND ngày 26/9/2006 của UBND huyện N về việc thu hồi đất và giao đất).

Về quá trình đăng ký hồ sơ địa chính:

Theo hồ sơ 60/CP lập trên địa bàn thị trấn N được Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 23/8/2001 thì ông Phạm Văn T không có tên trong Sổ Địa chính (chỉ có tên trong Sổ Mục kê tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 04, diện tích 269,6m²).

Về quá trình xử lý vi phạm hành chính: .

Ngày 30/11/2004, UBND thị trấn N lập Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC đối với ông Phạm Văn T về hành vi tự ý xây dựng trái phép trên đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04, diện tích vi phạm là 36m². Tại phần ý kiến của người vi phạm thì ông T trình bày như sau: “Tôi có làm trại cũ từ năm 1991 bị gió bão sập nên tôi xây lại trại để trông giữ địa nuôi tôm”. Tại biên bản làm việc ngày 01/12/2004 về việc giải quyết xây dựng nhà trái phép trên đất nuôi trồng thủy sản thì ông Phạm Văn T trình bày: “Tôi chỉ làm trại để giữ tôm không phải làm nhà ở”.

Về diện tích theo hiện trạng sử dụng đất:

Theo mảnh chính lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 21/5/2020 (gọi tắt là tờ bản đồ số 04-2020) thì hiện nay hộ ông Phạm Văn T đang sử dụng tổng diện tích đất 350,1m², trong đó thửa đất số 15 có diện tích 292,9m², thửa đất số 38 có diện tích 57,2m². Việc ông Phạm Văn T cho rằng hiện nay ông đang sử dụng diện tích 465,6m² là không có cơ sở. Mặt khác, theo trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N lập ngày 06/10/2021 thì diện tích của thửa đất số 15 và thửa đất số 38 là 350,1m²; phần diện tích ông T chỉ dẫn ngoài ranh

giới 02 thửa đất nêu trên thuộc thửa đất số 18, diện tích 2.760,6m², diện tích này đã được UBND huyện N thu hồi theo Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 26/9/2006 về việc thu hồi đất và giao đất (có trích đo địa chính kèm theo).

Về quá trình thu hồi đất:

Ngày 18/01/2021, UBND thị trấn N có Tờ trình số 04/TTr-UBND về việc đề nghị thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, theo đó đề nghị thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T với diện tích 350,1m², trong đó tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 04-2020 là 292,9m², tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 04-2020 là 57,2m².

Ngày 26/5/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3451/QĐ-UBND và Quyết định số 3452/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N. Theo đó công nhận quyền sử dụng đất, đồng thời thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn T với diện tích 350,1m², trong đó tại Quyết định số 3451/QĐ-UBND thu hồi diện tích 292,9m², loại đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa đất số 15 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 04-2020, tại Quyết định số 3452/QĐ-UBND thu hồi diện tích 57,2m², loại đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 04-2020.

Như vậy, Quyết định số 3451/QĐ-UBND và Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND huyện N thu hồi đúng theo hiện trạng của hộ ông Phạm Văn T.

Về quá trình bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 01/6/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3614/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng, theo đó bồi thường, hỗ trợ cho hộ Anh Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ với số tiền là 62.112.600 đồng.

Ngày 05/7/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 4522/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 (đoạn qua địa bàn thị trấn N) đợt 35, tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Theo đó bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ với số tiền là 191.265.208 đồng.

Từ nhận định về nguồn gốc sử dụng đất của ông Phạm Văn T là do nhận chuyển nhượng đất nuôi tôm của HTX Mạnh Trúc HT được UBND huyện N xác nhận ngày 09/8/1993, đây là một trong các loại giấy tờ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Đất đai 2013 thì loại đất được xác định là đất nuôi trồng thủy sản. Mặt khác, đến thời điểm ngày 30/11/2004 thì ông Phạm Văn T vẫn đang sử dụng diện tích này để xây dựng trại trồng giữ tôm, trên đất không có nhà ở. Ngày 18/01/2006, ông Nguyễn Thanh V2 mới tự ý xây dựng nhà ở trái phép trên thửa

đất số 13, tờ bản đồ số 4 và cũng bị UBND thị trấn N lập Biên bản vi phạm hành chính số 10/BB-VPHC ngày 18/01/2006, nên thời điểm sử dụng đất để xây dựng nhà ở của hộ ông T là sau ngày 01/7/2004. Hộ ông T không đủ điều kiện để thu hồi đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/NĐ-CP và không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai 2013.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định.

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2, 3 Điều 116; Điều 143; Điều 165; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 17704/QĐ-UBND 24/9/2021 và Quyết định 17705/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T, bà Huỳnh Thị Đ:

“Hủy Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; hủy Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng Đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N; hủy Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T - Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng Đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và Sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 32); hủy Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T - Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 35); hủy Quyết định số 15861/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho ông Nguyễn Thanh V2 - bà Phạm Thị Thùy Ng để giải phóng mặt bằng xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 36); buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối cho hộ ông Phạm Văn T đối với diện tích loại đất ở 300 m² và loại đất khác còn lại là 53,8 m² đối với diện tích đất bị thu hồi theo thực tế và bố trí tái định cư cho hộ ông Phạm Văn T và các hộ là con của ông T đang ở trên thửa đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật”.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định Ủy ban nhân dân huyện N, bà Phạm Thị Thanh X1, bà Phạm Thị Ánh L2 kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không hoà giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà X1 và bà L2, chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Diện tích 3ha do UBND tỉnh cấp cho hợp tác xã Mạnh Trúc HT năm 1989 theo Quyết định số 1007/QĐ-UB ngày 24/4/1989 về cấp đất xây dựng hồ nuôi tôm (BL30), năm 1993 Hợp tác xã Mạnh Trúc HT chuyển nhượng toàn bộ thửa đất diện tích 3ha cho ông Phạm Văn T và ông Phan Kiều O kể từ ngày 10/8/1993 theo giấy chuyển nhượng ngày 10/8/1993 có xác nhận của Chủ tịch UBND thị trấn N ông Nguyễn Mân.

[2] Xét kháng cáo của các bên đương sự; Hội đồng xét xử xét thấy.

[2.1] Ngoài diện tích sang nhượng từ Hợp tác xã nêu trên, ông Phạm Văn T còn khai hoang và bồi đắp một phần diện tích phía ngoài đất nuôi trồng thủy sản, giáp với mặt đường để sử dụng làm nhà ở. Tháng 8 năm 1993, ông Phạm Văn T có đơn xin cấp đất xây dựng nhà trong hộ có 6 nhân khẩu, diện tích 300m² tại tờ bản đồ số 02, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04 (*theo hồ sơ kê khai theo ND 60/CP*), loại đất hoang sông, tứ cận rõ ràng, được UBND thị trấn N xác nhận ngày 30/8/1993 (BL31) và ông T đã làm nhà ở trên đất từ năm 1993 đến nay. Phù hợp với ý kiến của UBND thị trấn N tại Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 18/01/2021 về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân của UBND thị trấn N kèm theo danh sách các hộ có đất bị thu hồi trong đó có hộ ông Phạm Văn T (BL156) và Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 24/3/2021 của UBND thị trấn N (BL160) xác nhận hiện trạng sử dụng đất là nhà ở của ông T, và quán kinh doanh ăn uống.

[2.2] Tại Văn bản số 523/UBND-TNMT ngày 03/7/2013 của UBND huyện N về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phạm Văn T có nội dung trả lời như sau: Ông Phạm Văn T hiện đang sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 04, diện tích 269,6m², loại đất ở đô thị (BL35). Đồng thời hộ ông Phạm Văn T và ông Nguyễn Thanh V2 đã được Phòng Công thương thuộc UBND huyện N cấp

chứng nhận số nhà 09 và 11 trên đường Q, khối 2, thị trấn N. Thực tế quá trình sử dụng đất, hộ ông T đã nộp thuế nhà đất từ năm 1996 đến nay (BL73-94).

Như vậy, UBND huyện N đã xác nhận nhà ở của hộ ông T và loại đất ở đô thị tại các văn bản nêu trên. Các biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng của đất đai và tài sản trên đất của hộ ông Phạm Văn T ngày 23/7/2020 cũng ghi nhận nhà ở và các vật kiến trúc khác (BL185-186).

[2.3] Tại phiên toà hôm nay bên bị kiện và ý kiến Viện kiểm sát cho rằng; đơn xin phép cấp đất và xây dựng nhà ở của ông T được UBND thị trấn N xác nhận là không đúng thẩm quyền, do vậy không phải là căn cứ để được cấp GCNQSD đất vì thế không thuộc đối tượng được bồi thường về đất ở. Xét thấy ý kiến nêu trên là không có căn cứ pháp lý bởi lẽ; tại đơn xin cấp đất và xin phép làm nhà ở diện tích 300m² được UBND thị trấn N xác nhận, nên đó được coi là chứng cứ chứng minh việc gia đình ông T sử dụng đất ổn định có xây nhà ở trước ngày 15/10/1993. Đồng thời diện tích đất thực tế sử dụng và làm nhà ở của ông T từ năm 1993 đến nay không thay đổi về ranh giới và tứ cận và đăng ký theo Nghị định 60 là 269,7m² đất Thổ cư (BL 280).

Đối với việc đóng thuế: Tại phiên toà bên người bị kiện cho rằng việc đóng thuế của ông T không phải là đóng cho thửa đất ông T đang bị thu hồi, tuy nhiên phía người bị kiện cũng thừa nhận không có chứng cứ chứng minh cho nội dung này. Về phía người khởi kiện đã có chứng cứ chứng minh cho việc nộp thuế nhà đất nêu trên cụ thể là; ông T đã cung cấp việc đóng thuế nhà đất tại Tổ 3 khối phố 2 thị trấn N, thể hiện tại bút lục (78) người đóng là Phạm Thị Hằng Nga con gái ông T là vợ anh V2 là người đang có nhà riêng ở trên đất nêu trên, phù hợp với việc đóng thuế tại bút lục (84) là bà Huỳnh Thị Đ là vợ ông T cũng đóng thuế nhà đất tại Tổ 3 khối phố 2 thị trấn N.

Về xử phạt vi phạm hành chính.

UBND huyện căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính ngày 30/11/2004 để khẳng định đến thời điểm 30/11/2004 ông T vẫn đang sử dụng đất để xây dựng trại tôm, trên đất không có nhà ở.

Xét thấy: Tại biên bản đã xác định rất rõ là trại tôm ông T làm từ năm 1991, năm 2004 gió bão nên ông T sửa lại. Vị trí trại tôm này là vị trí khác chứ không phải vị trí ông T đã làm nhà, vị trí này đã được thu hồi đất vào năm 2006, diện tích xây dựng chỉ 36 m², sau khi bị lập biên bản, nội dung biên bản đã buộc ông T phải trả lại hiện trạng ban đầu là giữ nguyên trại tôm xây dựng vào năm 1991, trại tôm này đã được kiểm kê vào ngày 13/12/2006 thu hồi vào năm 2006. Như vậy, việc lập luận của UBND để chứng minh vào năm 2004 ông T chưa xây dựng nhà ở là không có căn cứ (chứng cứ: bút lục 195,196,197, chứng cứ bảng kiểm kê trại tôm năm 2005).

UBND cho rằng ngày 18/01/2006, ông Nguyễn Thành V2 tiếp tục xây dựng đã lập biên bản vi phạm hành chính số 10/BB-VPHC và đã ban hành Quyết định đình chỉ hành vi vi phạm nên chứng minh căn nhà ông Nguyễn

Thành V2 đang ở bị thu hồi xây dựng trái pháp luật vì vậy không được bồi thường đất ở là hoàn toàn thiếu cơ sở. Bởi lẽ; Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 18/01/2006 không có chữ ký của người bị lập biên bản thì phải có người làm chứng, tuy nhiên người làm chứng cũng không có, nên biên bản trên không có giá trị pháp lý, còn về Quyết định xử phạt thì không có chữ ký của chủ tịch, ủy ban, không có con dấu nên cũng không có cơ sở pháp lý để khẳng định ông V2 làm nhà trái phép (bút lục 198,199).

Từ những viện dẫn nêu trên có đủ cơ sở xác định hộ ông Phạm Văn T sử dụng đất ổn định có nhà ở trước 15/10/1993 đối với diện tích đất tại mảnh trích đo địa chính số 06-2021, hệ toạ độ VN-2000, khối 2, tờ bản đồ số 4 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam đo đạc ngày 08/12/2021 (tại thửa 15 và thửa 38, tờ bản đồ số 04-2020), đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 300m² đất ở theo Điều 101 Luật Đất đai 2013, nên khi thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N thì UBND huyện N phải ban hành quyết định công nhận và thu hồi đất ở cho hộ ông Phạm Văn T, bố trí tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy; Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T. Hủy Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; hủy Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N; hủy Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N hủy Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N; hủy Quyết định số 15861/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đổi cho hộ ông Phạm Văn T đối với diện tích loại đất ở 300 m² và loại đất khác còn lại là 53,8 m² đối với diện tích đất bị thu hồi theo thực tế và bố trí tái định cư cho hộ ông Phạm Văn T và các hộ là con của ông T đang ở trên thửa đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật”. Là có căn cứ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án; do vậy đơn kháng cáo của các bên đương sự không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của UBND huyện N và đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh X1, bà Phạm Thị Ánh L2.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2, 3 Điều 116; Điều 143; Điều 165; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 17704/QĐ-UBND 24/9/2021 và Quyết định 17705/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T, bà Huỳnh Thị Đ:

“Hủy Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; hủy Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để xây dựng Đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N; hủy Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T - Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng Đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và Sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 32); hủy Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho hộ ông (bà) Phạm Văn T - Huỳnh Thị Đ để giải phóng mặt bằng xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 35); hủy Quyết định số 15861/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho ông Nguyễn Thanh V2 - bà Phạm Thị Thùy Ng để giải phóng mặt bằng xây dựng đường trục chính từ khu công nghiệp TT đi cảng KH và sân bay C1 đoạn qua thị trấn N, huyện N (đợt 36); buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối cho hộ ông Phạm Văn T đối với diện tích loại đất ở 300 m² và loại đất khác còn lại là 53,8 m² đối với diện tích đất bị thu hồi theo thực tế và bố trí tái định cư cho hộ ông Phạm Văn T và các hộ là con của ông T đang ở trên thửa đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật”.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện N và bà Phạm Thị Thanh X1, bà Phạm Thị Ánh L2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo các biên lai thu tiền số 0000129 ngày 05 tháng 4 năm 2022 và 0000121 ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam nay chuyển thanh tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Đường sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Mai Xuân Thành**